

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 91/2024/DS-ST
Ngày: 23 – 7 – 2024
Về tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG,
TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Tươi.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Cơ.

- Thư ký phiên tòa: bà Bùi Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Lê Huỳnh Như Nguyễn – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị B, sinh ngày 01/01/1964; địa chỉ: ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

- Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: ông Phạm Văn T – Luật sư thuộc Công ty L – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20 tháng 12 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị B trình bày:

Bà và chị H có mối quan hệ quen biết do bà và mẹ chị H là sui gia với nhau. Chị H có tham gia tất cả 09 dây hụi do bà làm chủ thảo, cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, mở ngày 10/01/2022 dương lịch, gồm 26 phần, mãn ngày 10/02/2024. Chị H tham gia 02 phần. Chị H đóng hụi sống được 01 kỳ. Đến ngày 10/2/2022 chị H hốt hụi phần đầu tiên được số tiền 35.760.000 đồng. Ngày 10/3/2022, chị H hốt phần hụi thứ hai được số tiền 35.280.000 đồng. Sau khi hốt hụi chị H đóng hụi chết đóng hụi chết cho bà đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dây hụi này chị H còn nợ bà 04 kỳ hụi chết (nợ từ tháng 11/2023 cho đến khi mãn hụi) thành tiền là 8.000.000 đồng x 02 phần = 16.000.000 đồng.

Mẹ chị H là bà Phạm Thị H1 tham gia gia 02 phần. Bà H1 đóng hụi sống được 07 kỳ. Đến kỳ thứ 8 (ngày 10/8/2022) thì lĩnh hụi cả 02 phần được số tiền 41.820.000 đồng x 02 phần = 83.640.000 đồng. Khi hốt hụi thì chị H là người lãnh tiền đăng hụi và ký nhận tiền đăng hụi. Sau khi hốt hụi, chị H đóng hụi chết cho bà cho đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dây hụi này chị H còn nợ bà 0 kỳ hụi chết thành tiền là 8.000.000 đồng x 02 phần = 16.000.000 đồng.

Dây thứ hai: Hụi mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/02/2022 dương lịch, gồm 26 phần, mãn ngày 10/3/2024. Chị H tham gia 02 phần và lĩnh hụi phần thứ nhất là ngày 10/4/2022 được số tiền 42.185.000 đồng. Đến ngày 10/5/2022 chị H lĩnh phần hụi thứ hai được số tiền 39.960.000 đồng. Sau khi hốt hụi, chị H đóng hụi chết cho bà cho đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dây hụi này chị H còn nợ bà 01 kỳ hụi chết thành tiền là 10.000.000 đồng x 02 phần = 20.000.000 đồng.

Dây thứ ba: Hụi mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/3/2022 dương lịch, gồm 26 phần, mãn ngày 10/4/2024. Chị H tham gia 01 phần và lĩnh hụi kỳ thứ 3 là ngày 10/5/2022 được số tiền 36.090.000 đồng. Sau khi hốt hụi, chị H đóng hụi chết cho bà cho đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dây hụi này chị H còn nợ bà 02 kỳ hụi chết thành tiền là 12.000.000 đồng.

Dây thứ tư: Hụi mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/4/2022 dương lịch, gồm 24 phần, mãn ngày 10/3/2024. Chị H tham gia 02 phần và lĩnh phần hụi đầu tiên vào kỳ thứ 3 là ngày 10/6/2022 được số tiền 31.550.000 đồng. Đến ngày 10/7/2022 chị H lĩnh phần hụi thứ hai được số tiền 32.600.000 đồng. Sau khi hốt hụi, chị H đóng hụi chết cho bà cho đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dây hụi này chị H còn nợ bà 01 kỳ hụi chết thành tiền là 10.000.000 đồng x 02 phần = 20.000.000 đồng.

Dây thứ năm: Hụi mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/6/2022 dương lịch (dây 2), gồm 26 phần, mãn ngày 10/7/2024. Chị H tham gia 01 phần và lĩnh hụi kỳ thứ 2 là ngày 10/7/2022 được số tiền 33.120.000 đồng. Sau khi hốt hụi, chị H đóng hụi chết cho bà cho đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dây hụi này chị H còn nợ bà 03 kỳ hụi chết thành tiền là 18.000.000 đồng.

Dây thứ sáu: Hụi mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/6/2022 dương lịch (dây 1), gồm 26 phần, mãn ngày 10/7/2024. Chị H tham gia 01 phần và lấy tên bà C để tham gia 02 phần. Chị H lĩnh phần hụi thứ nhất vào kỳ đầu tiên là ngày 10/6/2022

được số tiền 36.700.000 đồng. Chị H lãnh hội phần thứ 2 vào ngày 10/7/2022 được số tiền 33.120.000 đồng. Chị H lãnh hội phần thứ 3 vào ngày 10/8/2022 được số tiền 33.330.000 đồng. Chị H đóng hội chết cho bà cho đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dây hội này chị H còn nợ bà 03 kỳ hội chết thành tiền là 18.000.000 đồng x 03 phần = 54.000.000 đồng.

Dây thứ bảy: Hội mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/8/2022 dương lịch, gồm 20 phần, mãn ngày 10/3/2024. Chị H tham gia 01 phần và lãnh hội kỳ thứ 4 là ngày 10/11/2022 được số tiền 26.960.000 đồng. Sau khi hốt hội, chị H đóng hội chết cho bà cho đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dây hội này chị H còn nợ bà 01 kỳ hội chết thành tiền là 10.000.000 đồng.

Dây thứ tám: Hội mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/01/2023 dương lịch, gồm 22 phần, mãn ngày 10/10/2024. Chị H tham gia 01 phần và lãnh hội kỳ thứ 2 là ngày 10/02/2023 được số tiền 30.700.000 đồng. Sau khi hốt hội, chị H đóng hội chết cho bà cho đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dây hội này chị H còn nợ bà 1 kỳ hội chết thành tiền là 24.000.000 đồng.

Dây thứ chín: Hội mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/02/2023 dương lịch, gồm 23 phần, mãn ngày 10/12/2024. Chị H tham gia 02 phần và lãnh hội phần thứ nhất vào kỳ đầu tiên là ngày 10/02/2023 được số tiền 32.200.000 đồng. Đến ngày 10/3/2023 chị H lãnh phần hội thứ 2 được số tiền 31.125.000 đồng. Sau khi hốt hội, chị H đóng hội chết cho bà cho đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dây hội này chị H còn nợ bà 11 kỳ hội chết thành tiền là 28.000.000 đồng x 02 phần = 56.000.000 đồng.

Tổng cộng 09 dây hội trên (gồm 17 phần), chị H còn nợ bà số tiền hội chết 246.000.000 đồng. Ngoài ra, tháng 10/2023, số tiền hội chết chị H phải đóng cho bà là 64.000.000 đồng nhưng chị H chỉ đóng cho bà 34.000.000 đồng nên còn nợ lại bà số tiền 30.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng số tiền hội chết chị H còn nợ bà là 276.000.000 đồng.

Dây hội 2.000.000 đồng, mở ngày 10/01/2022 thì mẹ chị H là bà H1 trực tiếp đề nghị tham gia góp hội với bà nhưng khi đóng hội sống hàng tháng thì chị H là người đóng hội cho bà. Khi lãnh hội thì chị H là người ký nhận tiền đăng hội và sau khi hốt hội thì chị H là người đóng hội chết hàng tháng cho bà. Sau đó, giữa bà và bà H1, chị H cũng thống nhất, những phần hội ghi tên bà H1 là do chị H tham gia và chị H có nghĩa vụ góp các phần hội chết cho bà. Đối với dây hội 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/6/2022 thì chị H tự lấy tên bà C để tham gia chơi hội còn thực tế bà C không trực tiếp tham gia góp hội với bà và bà cũng không biết bà C là ai. Những lần đóng hội hay lãnh tiền đăng hội cũng đều do chị H đóng và lãnh ký nhận tiền vì vậy phần hội trên bà xác định chị H là người tham gia góp hội với bà. Vào ngày 17/11/2023, bà và chị H có làm giấy chốt số tiền hội chết chị H còn nợ bà tổng cộng là 276.000.000 đồng (bao gồm cả phần hội ghi tên bà H1 và phần hội ghi tên bà C) đồng thời chị H có ký tên xác nhận nợ tại mục “bên mượn tiền”. Đến tháng 02/2024 chị H có trả cho bà được 5.000.000 đồng nên số tiền chị H còn nợ lại bà là 271.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu chị H trả cho bà số tiền hội chết còn nợ là 271.000.000 đồng,

không yêu cầu tính lãi, không yêu cầu ai khác liên đới trả nợ cùng chị H cũng không yêu cầu đưa bà H1, bà C tham gia tố tụng. Tuy nhiên, trong 09 dây hụi trên có 03 dây hụi chưa mãn nên bà chỉ yêu cầu chị H trả cho bà số tiền bà đã góp hụi thay cho chị H là 245.000.000 đồng, đối với các dây hụi chưa mãn bà yêu cầu chị H đóng mỗi tháng theo ngày mở hụi của từng dây cho đến khi mãn hụi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị Lê Thị H trả một lần cho bà Trần Thị B số tiền 245.000.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đối với các phần hụi chưa mãn, chị H có nghĩa vụ góp tiếp cho đến khi mãn hụi, trường hợp chị H không trả thì bà B có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Lê Thị H trình bày:

Chị thống nhất toàn bộ lời trình bày của bà B về các dây hụi mà chị tham gia gồm 09 dây hụi (17 phần) do bà B làm chủ thảo và còn nợ lại bà B số tiền hụi chết tổng cộng là 271.000.000 đồng. Nay chị đồng ý trả cho bà B số tiền 271.000.000 đồng nhưng xin trả dần như sau: từ tháng 7 đến tháng 12/2024 mỗi tháng trả 1.000.000 đồng. Từ tháng 01/2025, mỗi tháng trả cho bà B 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bà B không yêu cầu bà H1 trả nợ thì chị cũng đồng ý vì ngày 17/11/2023 chị đã ký xác nhận nợ với bà B với số tiền 276.000.000 đồng trong đó có 02 phần hụi của bà H1. Đối với phần hụi của bà C là do chị tự lấy tên của bà C để tham gia góp hụi, thực tế bà C và bà B không quen biết nhau và bà C cũng không tham gia góp hụi với bà B nên nay chị cũng không yêu cầu đưa bà H1 và bà C tham gia tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Phạm Thị H1 trình bày:

Bà xác nhận bà có tham gia 02 phần hụi của dây hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, mở ngày 10/01/2022 dương lịch, gồm 26 phần, mãn ngày 10/02/2024 do bà B làm chủ thảo. Tuy nhiên, người lĩnh 02 phần hụi trên là con ruột bà là chị Lê Thị H, chị H là người sử dụng toàn bộ số tiền lĩnh hụi và chị H cũng đã ký tên xác nhận nợ với bà B nên giữa bà, bà B và chị H đã thống nhất chị H có nghĩa vụ góp các phần hụi chết còn lại cho bà B, bà B cũng không yêu cầu bà trả các phần hụi chết còn lại. Vì vậy, bà không còn liên quan gì đến tranh chấp giữa bà B và chị H. Bà cũng không yêu cầu chị H trả lại số tiền mà bà đã đưa cho H để đóng hụi cho bà B.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B đối với chị Lê Thị H về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi. Buộc chị Lê Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị B số tiền 245.000.000 đồng và tiếp tục góp các phần hụi còn lại cho đến khi mãn hụi. Ghi nhận bà B không yêu cầu tính lãi.

3. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị H và bà H1 vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và bà H1 là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ hụi nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng hợp đồng góp hụi được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

[3] Xét yêu cầu trả số tiền hụi của nguyên đơn thấy rằng: bà B và chị H đều thống nhất các dây hụi mà chị H tham gia, thống nhất thời gian lĩnh các dây hụi và thời gian chị H ngưng đóng hụi chết. Hai bên cũng thống nhất số tiền hụi chết chị H còn nợ bà B là 271.000.000 đồng. Việc chị H không đóng hụi chết cho bà B là vi phạm nghĩa vụ góp hụi theo quy định tại Điều 16 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Để giao hụi cho các thành viên khác khi đến kỳ, bà B phải góp các phần hụi thay cho chị H để đảm bảo hụi hoạt động đến cuối kỳ nên nay chị H phải có nghĩa vụ trả lại số tiền bà B đã góp thay cho chị H tính từ ngày ngưng hụi cho đến ngày xét xử là ngày 23/7/2024 là phù hợp theo quy định tại Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Đối với các phần hụi chưa mãn, chị H chưa vi phạm nghĩa vụ góp hụi nên chị H có nghĩa vụ tiếp tục đóng các kỳ hụi hàng tháng cho đến khi mãn hụi là phù hợp. Cụ thể:

Dây hụi mệnh giá 2.000.000 đồng, mở ngày 10/01/2022 dương lịch, mãn ngày 10/02/2024 dương lịch. Chị H tham gia 04 phần (gồm 02 phần của chị H và 02 phần của bà H1). Chị H đóng hụi chết cho bà B đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dây hụi

này bà B góp thay cho chị H 04 tháng x 2.000.000 đồng/tháng x 04 phần thành tiền là 32.000.000 đồng nên chị H có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 32.000.000 đồng.

Dâyhui mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/02/2022 dương lịch, mãn ngày 10/3/2024. Chị H tham gia 02 phần. Chị H đóng hui chết cho bà B đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dâyhui này bà B góp thay cho chị H 05 tháng x 2.000.000 đồng/tháng x 02 phần thành tiền là 20.000.000 đồng nên chị H có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 20.000.000 đồng.

Dâyhui mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/3/2022 dương lịch, mãn ngày 10/4/2024. Chị H tham gia 01 phần. Chị H đóng hui chết cho bà B đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dâyhui này bà B góp thay cho chị H 06 tháng hui chết x 2.000.000 đồng/tháng thành tiền là 12.000.000 đồng nên chị H có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 12.000.000 đồng.

Dâyhui mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/4/2022 dương lịch, mãn ngày 10/3/2024. Chị H tham gia 02 phần. Chị H đóng hui chết cho bà B cho đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dâyhui này bà B góp thay cho chị H 05 tháng hui chết x 2.000.000 đồng/tháng x 02 phần = 20.000.000 đồng nên chị H có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 20.000.000 đồng.

Dâyhui mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/6/2022 dương lịch (dây 2), mãn ngày 10/7/2024. Chị H tham gia 01 phần. Chị H đóng hui chết cho bà B cho đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dâyhui này bà B góp thay cho chị H 09 tháng hui chết x 2.000.000 đồng/tháng = 18.000.000 đồng nên chị H có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 18.000.000 đồng.

Dâyhui mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/6/2022 dương lịch (dây 1), mãn ngày 10/7/2024. Chị H tham gia 01 phần và lấy tên bà C để tham gia 02 phần. Chị H đóng hui chết cho bà B cho đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dâyhui này bà B góp thay cho chị H 09 tháng hui chết thành tiền là 18.000.000 đồng x 03 phần = 54.000.000 đồng nên chị H có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 54.000.000 đồng.

Dâyhui mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/8/2022 dương lịch, mãn ngày 10/3/2024. Chị H tham gia 01 phần. Chị H đóng hui chết cho bà B cho đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dâyhui này bà B góp thay cho chị H 05 tháng thành tiền là 10.000.000 đồng.

Dâyhui mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/01/2023 dương lịch, mãn ngày 10/10/2024. Chị H tham gia 01 phần. Chị H đóng hui chết cho bà B cho đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dâyhui này bà B góp thay cho chị H 09 tháng thành tiền là 18.000.000 đồng nên chị H có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 18.000.000 đồng và tiếp tục đóng 03 tháng, mỗi tháng số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng tính từ ngày 10/8/2024 đến ngày mãn hui là ngày 10/10/2024.

Dâyhui mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/02/2023 dương lịch, mãn ngày 10/12/2024. Chị H tham gia 02 phần. Chị H đóng hui chết cho bà B cho đến hết tháng 10/2023 thì ngưng. Dâyhui này bà B góp thay cho chị H 09 tháng x 2.000.000

đồng/tháng x 02 phần = 36.000.000 đồng nên chị H có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền 36.000.000 đồng và tiếp tục đóng 05 tháng, mỗi tháng số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng tính từ ngày 10/8/2024 đến ngày mãn hạn là ngày 10/12/2024.

Ngoài ra, trong quá trình góp hạn, chị H còn nợ lại bà B 30.000.000 đồng sau đó chị H đã trả cho bà B 5.000.000 đồng, còn lại 25.000.000 đồng nên nay chị H có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền hạn bà B đã góp thay là: 32.000.000 đồng + 20.000.000 đồng + 12.000.000 đồng + 20.000.000 đồng + 18.000.000 đồng + 54.000.000 đồng + 10.000.000 đồng + 18.000.000 đồng + 36.000.000 đồng + 25.000.000 đồng = 245.000.000 đồng và tiếp tục góp các kỳ hạn cho đến mãn như phân tích ở trên.

Đối với 02 phần hạn do bà H1 tham gia nhưng hàng tháng chị H là người trực tiếp góp hạn cho bà B, khi lãnh hạn chị H cũng là người ký nhận tiền lãnh hạn, sau đó, hàng tháng chị H là người đóng các kỳ hạn chết cho bà B. Sau khi chị H ngưng hạn thì bà B cũng chốt nợ với chị H bao gồm cả 02 phần hạn mà bà H1 tham gia. Trong quá trình làm việc với bà B, bà H1 và chị H thì ba bên đều thống nhất 02 phần hạn ghi tên bà H1 chuyển giao cho chị H và chị H có nghĩa vụ tiếp tục góp các kỳ hạn chết cho bà B. Bà B không khởi kiện yêu cầu bà H1 trả nợ và bà H1 cũng không yêu cầu chị H trả lại số tiền mà bà đã giao cho chị H để đóng hạn cho bà B nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của bà B được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Án phí được tính như sau:

$271.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 13.550.000$ (Mười ba triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

[5] Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 245.000.000 đồng và tiếp tục góp các kỳ hạn cho đến ngày mãn hạn là phù hợp nên chấp nhận. Đối với đề nghị buộc bị đơn trả một lần số tiền 245.000.000 đồng và việc bị đơn xin trả dần là thuộc giai đoạn thi hành án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị B đối với chị Lê Thị H về việc tranh chấp hợp đồng góp hạn.

Buộc chị Lê Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị B số tiền 245.000.000 (Hai trăm bốn mươi lăm triệu) đồng tiền hội bà B đã góp thay cho chị H tính đến ngày 23 tháng 7 năm 2024 và tiếp tục đóng mỗi tháng cho đến ngày mãn các dây hội, cụ thể như sau:

Dây hội mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/01/2023 dương lịch, chị H có nghĩa vụ tiếp tục đóng 03 tháng, mỗi tháng số tiền 2.000.000 (Hai triệu) đồng tính từ ngày 10/8/2024 đến ngày mãn hội là ngày 10/10/2024.

Dây hội mệnh giá 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 10/02/2023 dương lịch, chị H có nghĩa vụ tiếp tục đóng 05 tháng, mỗi tháng số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng tính từ ngày 10/8/2024 đến ngày mãn hội là ngày 10/12/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị H phải chịu 13.550.000 (Mười ba triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: bà B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H, bà H1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Phạm Thị Yến